

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/DS-ST

Ngày: 29 – 12 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1956 (*có mặt*).

1.2. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1956 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn G: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1956 (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2020 – *có mặt*).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

2.2. Ông Lê Vũ T, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp B1, xã L, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn G trình bày:

Vì ở cùng xóm nên vợ chồng bà quen biết vợ chồng bà Phạm Thị P, ông Lê Vũ T. Năm 2018, bà P, ông T đến gặp vợ chồng bà hỏi vay tiền để xoay sở làm ăn. Do tin tưởng, vợ chồng bà cho đồng ý cho bà P, ông T vay hai lần, loại vay không kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, các lần vay đều có biên nhận do bà P đại diện viết và ký tên:

Lần 1: Ngày 08/3/2018 âm lịch (ngày 23/4/2018 dương lịch) cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Bà P, ông T trả lãi được 09 tháng số tiền 4.500.000 đồng thì ngưng trả.

Lần 2: Ngày 25/12/2018 âm lịch (ngày 30/01/2019 dương lịch) cho vay số tiền 40.000.000 đồng. Kể từ ngày vay cho đến nay bà P, ông T không trả lãi.

Do bà P, ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi kéo dài nên vợ chồng bà đến nhà gặp bà P, ông T yêu cầu trả nợ. Bà P, ông T nhiều lần hứa rồi khác hẹn không trả. Nay, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P và ông T có trách nhiệm trả lại cho ông bà số tiền vốn 90.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi phát sinh trong thời gian vi phạm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Phạm Thị P, ông Lê Vũ T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông G và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P, ông T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục xét xử:* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P, ông T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà P, ông T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ vay tài sản số tiền 90.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn, lãi suất 01%/tháng theo hai biên nhận vay viết tay ngày 08/3/2018 âm lịch và ngày 25/12/2018 âm lịch (BL: 04, 05)

giữa bà L, ông G với bà P, ông T là đúng quy định tại các điều 117, 119, 463, 464, 468 Bộ luật Dân sự về điều kiện năng lực chủ thể, ý chí, mục đích, hình thức của giao dịch dân sự, chuyển giao quyền sở hữu tài sản vay và lãi suất vay.

[2] Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà P, ông T vi phạm nghĩa vụ không trả lãi vốn vay. Bà L, ông G nhiều lần yêu cầu bà P, ông T trả nợ nhưng khắc hẹn không trả. Việc bà L, ông G khởi kiện yêu cầu bà P, ông T cùng có trách trả lại vốn gốc số tiền 90.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền nợ lãi đã phát sinh trong thời gian vi phạm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự và có lợi cho bà P, ông T.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà P, ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông G và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho bà P, ông T trong vụ án.

[4] Do đó, bà P và ông T phải cùng có trách nhiệm trả cho bà L và ông G số tiền 90.000.000 đồng. Kể từ ngày bà L và ông G có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 90.000.000 đồng thì bà P và ông T còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[5] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các đoạn [1], [2], [3] Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông G giải quyết theo hướng đã nhận định tại đoạn [4].

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, ông G được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết bà P và ông T phải chịu án phí số tiền 4.500.000 đồng.

[2] Xét bà L, ông G là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Bùi Văn G:

1.1. Buộc bà Phạm Thị P và ông Lê Vũ T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Bùi Văn G số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Bùi Văn G có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng thì người phải thi hành án bà Phạm Thị P và ông Lê Vũ T còn phải trả lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị P và ông Lê Vũ T nộp án phí số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Thị Hồng L, vắng mặt ông Bùi Văn G, bà Phạm Thị P, ông Lê Vũ T. Báo cho bà L có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông G, bà P, ông T vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + ĐD.NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân